Họ tên	Bộ phận	1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	15	16	17	19	22	23	24	25	26	Tổng
VỪ Y KHÙA	Phòng TCHC	8.1	5.9	5.95	8.23	8.2		4.37	8.28	1.7	2.05	8.42	6.2	6.63	8.48	6.3	9.33	6.07	4.63	6.37	**12.05**
VI THỊ THANH	Phòng TCHC	8.75	8.98	8.87	8.55	8.95	8.3	8.48	8.7	9	8.42	8.62	8.28	4.33	8.62	8.87	8.6	8.52	9.15	4.38	**16.47**
Phòng TCHC Count	2																				
LÔ VĂN THƯƠNG	Phòng TCKT	8.07	7.95	7.78	7.72		5	7.6	7.75	8.15	8.13	8	8.5	8.32	8.2	7.93	8.55	7.67	8.13	3.65	**14.45**
NGUYỄN THỊ HÀ	Phòng TCKT		5.12	8.4	8.92	8.73	6.5	8.47	8.27	8.7	8.22	7.75	8.42	5.28	8.05	5.78	8.55	4.52	5.87	4.15	**13.64**
VÕ THỊ HÀ	Phòng TCKT	8.23	8.4	8.72	8.75	8.9	8.4	8.3	8.53	8.78	4.05	9.02	8.63	8.55	5.52	8.5	8.62	8.48	4.98	8.42	**15.97**
Phòng TCKT Count	3																				
ĐỖ THỊ TÂM	Phòng KHTH	8.42	8.95	8.63	8.52	8.57	8.8	8.62	8.55	7.3		8.43	8.98	5.87	8.07	8.48	8.6	8.08	8.92	8.75	**15.85**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	Phòng KHTH		8.02	4.87		4.3	8.47	8.33	8.67	7.88	4.28	8.68	4.65	7.02	8.47	8.75	5.52	5.32	5.57	4.4	**11.9**
KHA VĂN KHẮM	Phòng KHTH	7.35	2.73	8.23	8.4	8.68	8.88	8.75	8.4	8.58	8.07	3.57	8.52	8.87	8.8	9.23	8.62	7.4	4.9	8.87	**15.46**
KHA THỊ THẢO	Phòng KHTH	7.92	8.22	8.22	8.47	8.62	8.32	4.12		5.55		8.55	8.05		8.45	8.03	8.53	5.6	7.98		**12.04**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Phòng KHTH	7.87	7.93	8.22	8.23	8.43	8.88	8.08	8.43	8.03	3.75	8.18	8.45	8.38	8.3	9.05	8.27	8.47	5.27		**14.97**
VI THỊ HIỀN	Phòng KHTH	8.68	8.85	8.23		8.68	4.45	8.95	8.87	8.52	8.35	8.55	8.88	8.78		9.2	8.92	8.77	4.97	8.53	**14.75**
CỬ Y NHÌA	Phòng KHTH	8.5		8.55	8.32	7.87	8.35	8.32	8.5	5.52		8.4	8.63	8.47	7.98	8.37	8.43	8.33	4.52	8.25	**14.25**
Phòng KHTH Count	7																				
MOONG THỊ THẮM	BAN GIÁM ĐỐC	8.55	8	8.17		3.98	2.53	3.02	7.47	7.22	1.53	8.13				9.18	8.55	4.22	5.23	8.23	**9.91**
SẦM VĂN HẢI	BAN GIÁM ĐỐC		8.45	8.18		4.28				4.12		8.53	8.37	2.95	5.57	9.07	2.58	4.72		9.48	**8.03**
BAN GIÁM ĐỐC Count	2																				
Grand Count	14																				